

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ X
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 114/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 21 - 5 - 2021

V/v “Tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ X, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thùy Giang

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Hữu Đức

2. Bà Nguyễn Thùy Dung

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thu Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố X.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố X tham gia phiên tòa: Không tham gia

Ngày 21 tháng 5 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố X, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 76/2021/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 02 năm 2021 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 145/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 4 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 187/2021/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 4 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Ngọc Th, sinh năm 1964

Cư trú: Số 40/12, Tổ 03, khóm A, phường M, thành phố X, tỉnh An Giang

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Hồng C, sinh năm 1962

Cư trú: Số 40/12, Tổ 03, khóm A, phường M, thành phố X, tỉnh An Giang

Tại phiên tòa bà Th có đơn xin vắng mặt, ông C vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện và quá trình tố tụng, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc Th trình bày:

Bà và ông C do mai mối nên quen biết và kết hôn với nhau vào năm 1980, có tổ chức đám cưới, nhưng không đăng ký kết hôn. Ông bà sống hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn cho đến nay. Lý do: Vợ chồng thường xuyên bất đồng ý kiến, cự cãi, ông C không chịu làm ăn chỉ thường xuyên uống rượu, khi say thì đập phá chửi bới vợ

con. Mặc dù đã nhiều lần hai bên hàn gắn nhưng không thành mà mâu thuẫn càng nghiêm trọng hơn. Hiện nay bà không còn tình cảm, không thể hàn gắn, sống hạnh phúc lại được nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà ly hôn ông C.

Về con chung: Quá trình chung sống ông bà có 02 con chung là Nguyễn Hồng H1 sinh năm 1996 và Nguyễn Thị Kim Nh, sinh năm 2001. Hiện nay các con đã trưởng thành, có khả năng lao động nuôi sống bản thân nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Nguyễn Hồng C: Vắng mặt trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án và không có văn bản trình bày ý kiến, tài liệu chứng cứ cung cấp cho Tòa án.

Tòa án đã tiến hành tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tiến hành hòa giải nhưng bị đơn đều vắng mặt không lý do nên không thể tiến hành hòa giải được. Do đó, Tòa án mở phiên tòa sơ thẩm xét xử công khai vụ án để Hội đồng xét xử xem xét, quyết định.

Tại phiên tòa: Bà Th vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Ông C vắng mặt và không có văn bản trình bày ý kiến, tài liệu chứng cứ cung cấp cho Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, kết quả việc tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đương sự, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Nguyễn Thị Ngọc Th và ông Nguyễn Hồng C kết hôn từ năm 1980 nhưng không có đăng ký kết hôn; bà Th khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông C là người hiện đang cư trú trên địa bàn thành phố X. Nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án là “Tranh chấp ly hôn” và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố X.

[2] Về thủ tục tố tụng: Đối với bị đơn ông Nguyễn Hồng C đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định.

[3] Về nội dung tranh chấp:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Th và ông C tự nguyện tiến đến hôn nhân vào năm 1980 và chung sống cho đến nay nhưng không đăng ký kết hôn. Theo quy định tại mục 3 Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09 tháng 6 năm 2000 của Quốc Hội và hướng dẫn tại mục 1, mục 2 Thông tư liên tịch số 01/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 03 tháng 01 năm 2001 thì tính đến trước thời điểm ngày 03 tháng 01 năm 1987, bà Th và ông C có đủ điều kiện để kết hôn, đã tự nguyện tiến đến hôn nhân, đã chung sống với nhau như vợ chồng một thời gian dài cho đến nay, đã có con chung; là có đầy đủ các điều kiện về hôn nhân thực tế nên vẫn được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Xét thấy: Bà Th trình bày sau khi chung sống thì đến năm 2019 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do ông C không chăm lo cho gia đình, thường xuyên uống rượu, đánh đập vợ con, tài sản. Vì vợ chồng không còn tình cảm, không thể hàn gắn, nên bà Th kiên quyết ly hôn mặc dù Tòa án đã hòa giải nhiều lần. Về phía ông C, quá trình tố tụng Tòa án đã triệu tập nhiều lần để hòa giải, mở phiên tòa nhưng ông C vẫn vắng mặt và không có ý kiến. Điều

này thể hiện ông C không có nguyện vọng đoàn tụ, mâu thuẫn vợ chồng của bà Th và ông C đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu khởi kiện của bà Th là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.2] Về con chung: Bà Th xác định bà và ông C có 02 con chung là chị Hồng H1 sinh năm 1996 và chị Kim Nhị sinh năm 2001. Cả hai đã trưởng thành và có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

[3.3] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Th xác định bà và ông C không có tài sản chung, cũng không có nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề này. Ông C không có ý kiến, không cung cấp tài liệu, chứng cứ về những nội dung này, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Bà Th phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 147; 227; 238; 266; 271; 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;
- Các 51; 53; 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Điểm a mục 3 Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09 tháng 6 năm 2000 của Quốc Hội
- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.
- Thông tư liên tịch số 01/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 03 tháng 01 năm 2001 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ tư pháp.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Ngọc Th được ly hôn với ông Nguyễn Hồng C
2. Về con chung: Bà Nguyễn Thị Ngọc Th và ông Nguyễn Hồng C có 02 (hai) con chung là Nguyễn Hồng H1 sinh ngày 16 ngày 3 năm 1996 và Nguyễn Thị Kim Nh, sinh ngày 17 ngày 02 năm 2001. Các con đều đã trưởng thành và có khả năng lao động, bà Th nên không xem xét.
3. Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét.
4. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Ngọc Th phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp, theo biên lai thu số 0009324 ngày 27 tháng 01 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố X (đã nộp xong).
5. Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành

theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND t. An Giang (phòng KTNV-THA);
- VKSND tp. X;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS tp. X;
- UBND p. M, tp X;
- Văn phòng;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thùy Giang